

UBND PHƯỜNG MÔNG CÁI 3
TRƯỜNG MẦM NON MÔNG CÁI 3



BẢNG CÔNG KHAI THỰC PHẨM HÀNG NGÀY
(Ngày 13 tháng 01 năm 2026)

Sĩ số: 753 trẻ (Trung tâm: 411; Hải Đông: 342 trẻ)

Tiền ăn: 23,520đ

STT	Tên thực phẩm	Đơn giá (đ)	Đơn vị tính	Tổng cộng		Điểm Trung tâm		Điểm Hải Đông	
				Số lượng	Thành tiền (đ)	Số lượng	Thành tiền (đ)	Số lượng	Thành tiền (đ)
Nhóm đi chợ					12.521.500		6.868.000		5.653.500
1	Bí đỏ	30.000	Kg	4	120.000	2,5	75.000	1,5	45.000
2	Cà rốt	30.000	Kg	7,5	225.000	4	120.000	3,5	105.000
3	Củ cái	30.000	Kg	18	540.000	11	330.000	7	210.000
4	Đỗ đen	60.000	Kg	7	420.000	4	240.000	3	180.000
5	Đỗ xanh bỏ vỏ	50.000	Kg	9,5	475.000	5,5	275.000	4	200.000
6	Gạo nếp	35.000	Kg	2,1	73.500	1,5	52.500	0,6	21.000
7	Gói gia vị kho tàu Aji-Quich	250.000	Kg	1,4	350.000	0,8	200.000	0,6	150.000
8	Hành khô	60.000	Kg	0,5	30.000	0,3	18.000	0,2	12.000
9	Hành lá	45.000	Kg	1,1	49.500	0,7	31.500	0,4	18.000
10	Khoai môn	50.000	Kg	10	500.000	6	300.000	4	200.000
11	Mỡ lợn sống	50.000	Kg	4	200.000	2,5	125.000	1,5	75.000
12	Nước cốt dừa wonderfarm	150.000	Kg	0,6	90.000	0,3	45.000	0,3	45.000
13	Rau mùi	85.000	Kg	1,1	93.500	0,6	51.000	0,5	42.500
14	Ruột ngó biển	330.000	Kg	5	1.650.000	3	990.000	2	660.000
15	Sá sùng khô	3.000.000	Kg	0,25	750.000	0,1	300.000	0,15	450.000
16	Thịt lợn nạc	130.000	Kg	45	5.850.000	24	3.120.000	21	2.730.000
17	Xương lợn	85.000	Kg	13	1.105.000	7	595.000	6	510.000
Nhóm xuất kho					5.189.000		2.798.000		2.391.000
1	Gạo tẻ	20.000	Kg	60,2	1.204.000	32,1	642.000	28,1	562.000
2	Đường kính	30.000	Kg	9	270.000	5	150.000	4	120.000
3	Nước mắm Nam Ngư	70.000	Lít	0,9	63.000	0,5	35.000	0,4	28.000
4	Muối iốt tinh	15.000	Kg	0,8	12.000	0,4	6.000	0,4	6.000
5	Dầu ăn meizan	60.000	Kg	7	420.000	4	240.000	3	180.000
6	Sữa Meta Care Kinder	230.000	Kg	14	3.220.000	7,5	1.725.000	6,5	1.495.000
Tổng chi					17.710.500		9.666.000		8.044.500
Tổng thu					17.710.560		9.666.720		8.043.840
Thừa (Thiếu)					60		720		-660

753	23.520
411	
342	